

PHỤ LỤC 01
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA PHƯỜNG KON TUM
(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công 2025			Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh bổ sung			Ghi chú
					Tăng	Giảm				
		Tổng số vốn	Trong đó				Tổng số vốn	Trong đó		
			Phân bổ	DP				Phân bổ	DP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	10.890	10.890	-			54.790	54.790	-	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	7.890	7.890	-			7.890	7.890	-	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	7.890	7.890				7.890	7.890		Tính cả nguồn tăng thu, TKC
II	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000	-	43.900	-	46.900	46.900		
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách tỉnh	-			28.413		28.413	28.413		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp	-			15.487		15.487	15.487		
3	Nguồn vốn khác	-					-	-		
4	Chi công tác đất đai	3.000	3.000				3.000	3.000		

PHỤ LỤC 02

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH PHƯỜNG KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 22 Tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau khi tiếp nhận	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT						
					Tổng số	Trong đó: NSDP					
*	TỔNG SỐ				315.368	225.091	10.890	43.900		54.790	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT				315.368	225.091	10.890	43.900		54.790	
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				12.721	12.669	7.890			7.890	
I.1	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC				12.721	12.669	7.890			7.890	
I.1.1	Danh mục các dự án tiếp nhận từ các phường cũ				5.711	5.659	2.324			2.324	
1	Sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ Việt Nam phường Quyết Thắng; Hạng mục: Nhà hội trường, công tường rào	phường Quyết Thắng	C	08/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	181	170	170			170	
2	Nâng cấp các đường hẻm bị xuống cấp (đợt 6)	phường Quang Trung	C	21/QĐ-UBND ngày 09/04/2025	250	250	250			250	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất đấu giá tại thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum	phường Trường Chinh	C	2191/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	2.092	2.092	11			11	
4	Xây dựng Hội trường thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 2	phường Trường Chinh	C	47/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	1.193	1.152	7			7	
5	Cải tạo, sửa chữa nền, mặt đường tuyến đường Trần Văn Ôn (Đoạn từ đường Trần Đăng Ninh – Đoàn Khuê)	phường Trường Chinh	C	05/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	495	495	495			495	
6	Bê tông hóa mở rộng đường Đoàn Khuê, thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh.	Phường Kon Tum	C	60/QĐ-UBND ngày 02/04/2025	1.200	1.200	1.091			1.091	(*)
7	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường Đinh Núp (đoạn từ đường Trần Phú đến nhà ông Thành)	Phường Kon Tum	C	76/QĐ-UBND ngày 28/04/2025	300	300	300			300	(*)
I.1.2	Dự án khởi công mới				7.010	7.010	5.566			5.566	
8	Xử lý một số vị trí sạt lở trên địa bàn phường Kon Tum	Phường Kon Tum	C	222/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	1.210	1.210	1.210			1.210	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường Âu Cơ (đoạn Hoàng Thị Loan - Huỳnh Đăng Thơ), phường Kon Tum	Phường Kon Tum	C	221/QĐ-UBND ngày 18/8/2025	5.800	5.800	4.356			4.356	
II	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ				302.647	212.422	3.000	43.900	-	46.900	
II.1	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH				228.575	138.350	-	28.413	-	28.413	
1	San lấp mặt bằng khu đất công viên cây xanh có ký hiệu CV1, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum	Phường Kon Tum	C	2883-13/9/2018	4.862	4.862		2.903		2.903	(*)
2	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum.	Phường Kon Tum	C	4466-28/11/2021	6.208	5.898		5.674		5.674	(*)
3	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Lê Hồng Phong (đoạn Trường Chinh - Bạch Đằng), thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	B	204-25/01/2021	119.216	30.363		10.555		10.555	(*)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư /Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2025	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau khi tiếp nhận	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT						
					Tổng số	Trong đó: NSDP					
4	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Nguyễn Huệ (đoạn Phan Đình Phùng - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	1551-28/7/2023	97.149	96.087		8.223		8.223	(*)
5	Lắp đặt hệ thống đèn Led trang trí, hệ thống điện chiếu sáng và trồng cây xanh tại một số tuyến đường, khu vực trên địa bàn thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	10-05/01/2023	1.140	1.140		1.058		1.058	(*)
II.2	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH PHÂN CẤP				74.072	74.072	-	15.487	-	15.487	
1	Cải tạo nâng cấp đường Bà Triệu (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Đào Duy Từ), thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	2988-31/7/2019;2512-02/8/2021	26.348	26.348		4.000		4.000	(*)
2	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi, thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	2637-6/8/2021	11.000	11.000		3.613		3.613	(*)
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao thành phố Kon Tum; hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc, nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ.	Phường Kon Tum	C	4530-03/12/2021	6.200	6.200		2.000		2.000	(*)
4	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu nhà Hội trường, trụ sở Thành ủy (đề bàn giao cho Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN phường Quyết Thắng)	Phường Kon Tum	C	4779-19/12/2021; 4373-18/11/2022	8.226	8.226		1.000		1.000	(*)
5	Cột cờ Quảng trường 16/3, thành phố Kon Tum.	Phường Kon Tum	C	4169-03/11/2022	1.226	1.226		10		10	(*)
6	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ, thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	1426-7/7/2023	4.200	4.200		1.000		1.000	(*)
7	Xây dựng mới cổng và tường rào Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	872-19/4/2024	2.522	2.522		1.308		1.308	(*)
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất đầu giá tại thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam I, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum	Phường Kon Tum	C	2291-20/6/2022	2.092	2.092		2.092		2.092	(*)
9	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn Bà Triệu - Nguyễn Du), thành phố Kon Tum; hạng mục: Nền, mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước	Phường Kon Tum	C	3089-01/12/2020;2928-08/8/2022	12.258	12.258		464		464	(*)
II.3	Chi công tác đất đai						3.000			3.000	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Phường Kon Tum					954			954	Thực hiện khi có thông báo của Sở Tài chính
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	Phường Kon Tum					2.046			2.046	Thực hiện khi có thông báo của Sở Tài chính

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 22 Tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Mã số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
						Quyết định	TMĐT	Trong đó: NSDP			
	Tổng cộng						3.382	3.382	2.870	38	
1	Đường Lê Lai (đoạn Nguyễn Viết Xuân - Nguyễn Hữu Cầu), thành phố Kon Tum	Ban QLDA TP Kon Tum	UBND phường Kon Tum	7918933	2024-2025	3100-01/12/2020	3.382	3.382	2.870	38	